TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SA SÚP
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 07 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 3 năm 2018
"V/v không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thông.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bành Trọng Bình
2. Ông Hồ Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Súp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2017/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/3/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1967 (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: TDP Hòa Bình, thị trấn Ea S, huyện Ea S, tỉnh ĐăkLăk
Chổ ở: Thôn 9, thị trấn Ea S, huyện Ea S, tỉnh ĐăkLăk
Bị đơn: Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm 1957 (Có mặt)
Địa chỉ thường trú: TDP Hòa Bình, thị trấn Ea S, huyện Ea S, tỉnh ĐăkLăk
Chổ ở: Thôn 7, xã Cư Mlan, huyện Ea S, tỉnh ĐăkLăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2017, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Bà và ông Hoàng Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc từ năm 1998 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống ông, bà rất hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do tính tình trái ngược, bất đồng quan điểm sống. Bà đã cố gắng nhẫn nhịn để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Xét thấy bà không còn tính cảm gì với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống bà và ông T có 01 (Một) con chung là Hoàng Khắc T, sinh ngày 19/7/2000. Sau khi Tòa án giải

quyết không công nhận bà và ông T là vợ chồng, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành (18 tuổi). Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/12/2017 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc từ năm 1998 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống ông, bà rất hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn cãi nhau do tính tình trái ngược, bất đồng quan điểm sống. Ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà không nghe dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông, bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà L nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông là vợ chồng. Ông đồng ý với yêu cầu của bà L.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Quá trình chung sống ông và bà L có 01 (Một) con chung là Hoàng Khắc T, sinh ngày 19/7/2000. Sau khi Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà là vợ chồng, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành (18 tuổi). Bà L không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý với yêu cầu của bà L

Về tài sản chung và công nợ: Hai bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ea S đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ea S và Phòng tư pháp huyện Ea S. Qua xác minh cho thấy bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay tại thị trấn Ea S nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là đúng sự thật.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01 tháng 3 năm 2018 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung như sau: Giao cháu Hoàng Khắc T, sinh ngày 19/7/2000. cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự không có ý kiến tranh luận gì thêm và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Từ khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 167/2017/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2017. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ quyết

định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Hoàng Văn T đều xác định ông, bà chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà L và ông T là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Xét thấy trong thời gian chung sống bà L và ông T có 01 con chung là Hoàng Khắc T, sinh ngày 19/7/2000. Hai bên thỏa thuận giao cháu T cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi). Hội đồng xét xử nhận thấy thoả thuận trên là phù hợp với nguyện vọng của cháu T nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật: Áp dụng khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị L. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị L và ông Hoàng Văn T

Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Khắc T, sinh ngày 19/7/2000 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

Ông Hoàng Văn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Lê Thị L chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea S theo biên lai thu số 0004319 ngày 15/12/2017.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS huyện EaS;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- UBND thị trấn Ea S;
- THADS huyện Ea S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Thông